

VỀ NHỮNG NGÔI CHÙA CỔ Ở ĐỒNG NAI

THS. NGUYỄN ĐĂNG HIỆP PHỐ*

Phật giáo chính thức được truyền vào Đồng Nai khi nào hiện vẫn chưa có lời giải đáp. Theo Lê Quý Đôn trong *"Phủ Biên tạp lục"* thì: "Đất Đồng Nai thuộc phủ Gia Định, từ các cửa biển sông lớn và nhỏ như Cần Giờ, cửa Soài Rạp đi vào, toàn là những đám rừng hoang đầy cỏ rậm¹... Từ sau năm 1620 với cuộc hôn nhân giữa công chúa Ngọc Vạn (con của Sãi Vương) và vua Chân Lạp Chey - Chétta II mới có một nhóm người Việt theo công chúa đến sinh sống tại Biên Hòa. Theo Phan Khoang trong *"Việt sử xứ Đàng trong"* thì từ năm 1628 - 1669 người Việt từ Đàng Ngoài di dân vào đất Đồng Nai - Gia Định và Mỗi Xuy (Bà Rịa) ngày càng đông². Năm 1679, Tổng binh Trần Thượng Xuyên không chịu quy phục nhà Thanh đem hơn 3000 quân và 50 chiến thuyền cùng gia quyến đến xin trú ngụ tại đất Việt, được chúa Nguyễn Phúc Tần chấp thuận cho vào đất Đông Phố khẩn hoang. Đến cù lao Phố ông thấy dải đất này có ưu thế cho việc phát triển nông nghiệp, lại thuận tiện cho giao thông thủy bộ, rất thuận lợi cho việc buôn bán, ông đã lập ra thương cảng Cù lao Phố - một thương cảng bậc nhất ở miền Nam, thường xuyên có nhiều tàu ngoại quốc lui tới buôn bán

và trao đổi hàng hóa... cảnh phồn thịnh ấy đã được sách *"Gia Định thành thông chí"* của Trịnh Hoài Đức ghi nhận: "... Phố xá, mái ngói tường vôi, lầu cao quán rộng dọc theo bờ sông liền lạc tới 5 dặm, chia vạch ra ba đường phố lớn lót đá trắng, đường phố ngang lót đá ong, đường phố nhỏ lót gạch xanh, đường rộng bằng phẳng, ghe thuyền lớn ở biển và ở sông đến đậu neo, có những xà lan liên tiếp nhau..."³. Năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn vào Nam kinh lược, ông lấy đất Nông Nại làm phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long dựng dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn và khi ấy "đất đã mở rộng một nghìn dặm, dân số hơn bốn vạn hộ"⁴.

Vào buổi đầu khẩn hoang, đối diện với một vùng đất mới xa lạ, với một trình độ kỹ thuật canh tác và trình độ nhận thức có nhiều hạn chế nên việc cần có một "đấng siêu nhiên" phù hộ cho bản thân, gia đình và cộng đồng là tất yếu. Do đó chùa làng, miếu, đình được thành lập để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người dân. Cũng trong thời gian này một số thiền sư, cao tăng theo chân các đoàn di dân vào Đồng Nai ẩn tu truyền bá đạo pháp, đào tạo nhiều đệ tử, pháp tôn nổi tiếng và lập nhiều chùa lớn tồn tại đến ngày nay. Ở Đồng Nai hiện còn ba ngôi

* PHÒNG NGHIỆP VỤ, BAN QUẢN LÝ
DI TÍCH - DANH THẮNG ĐỒNG NAI



Chùa Đại Giác, Cù lao Phố (Đồng Nai) - Ảnh: Hiệp Phố

chùa cổ đó là chùa Đại Giác, Long Thiển, Bửu Phong được xây dựng khang trang, quy tụ được nhiều phật tử.

1. Chùa Đại Giác

Chùa Đại Giác còn gọi là chùa Phật lớn xưa kia thuộc thôn Bình Hoành, xã Hiệp Hòa, tổng Trấn Biên, nay là xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Chùa Đại Giác được khai sơn từ năm nào hiện không ai rõ, sách "Gia Định Thành Thông Chí" của Trịnh Hoài Đức (biên soạn đầu thế kỷ XIX) không thấy nhắc đến, nhưng cuối thế kỷ XIX được liệt kê trong mục "tự quán", của "Đại Nam nhất thống chí": "chùa Đại Giác ở xã Tân Hưng, huyện Phước Chánh không biết xây dựng năm nào, gần đây có người cúng tấm biển khắc ba chữ "Đại Giác tự", chữ ấy khắc vàng, bên tả khắc "Minh Mạng nguyên niên, mạnh đông, cốc đán (ngày lành, tháng mạnh đông (tháng 10), niên hiệu Minh Mạng nguyên niên/1820), bên hữu khắc Tiên triều Hoàng nữ đệ tam công chúa Nguyễn Thị Ánh (bà Nguyễn Thị Ánh, công chúa thứ ba, Hoàng nữ tiên triều)"⁵. Như vậy, tấm biển ghi tên chùa do công

chúa Ngọc Anh tặng năm 1820. Theo tạp chí "Bulletin Des Amis Du Vieux Huế" (B.A.V.H) năm 1915: " công chúa Ngọc Anh, chị của Vua (Minh Mạng) còn trẻ và tiết liệt, khi Tây Sơn khởi nghĩa đã đến tu ở chùa Đại Giác, giữ cuộc sống cô độc, trầm tư mặc tưởng và tu hành hết sức sùng mộ"⁶. Theo Nguyễn Hiền Đức trong "Lịch sử Phật Giáo Đàng trong" thì chùa Đại Giác khai sơn vào nửa sau thế kỷ XVII (?).

Vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, trong thời gian bôn tẩu, Nguyễn Ánh cùng triều thần và Hoàng gia có thời gian trú ngụ ở chùa Đại Giác. Do vậy, sau khi lên ngôi (1802), Gia Long đã ra lệnh cho quan ở trấn Biên Hòa cho binh thợ đến xây cất và cho tượng binh đem voi đến dặm nền chùa, vì thế chùa Đại Giác còn gọi là "Chùa Tượng". Dịp này, Gia Long còn cúng cho chùa một pho tượng phật A Di Đà bằng gỗ mít rất lớn, cao 2,56m⁷. Như vậy, qua các tài liệu đã dẫn trên, có thể chùa Đại Giác đã được khai sơn khá sớm, song, đến đầu thế kỷ XIX mới xây dựng quy mô. Niên đại 1820 ghi trên tấm biển "Đại Giác tự" có lẽ là năm khánh thành của

lần xây dựng này. Lịch sử là vậy, song ngôi chùa hiện tồn mới được xây dựng hoàn toàn vào năm (1959 - 1961) với mái ngói, tường gạch, cột, vì kèo đúc bằng bê tông cốt sắt. Tuy nhiên, chính điện vẫn bảo lưu kết cấu căn bản của kiểu nhà tứ trụ với hai lầu chuông trống thường thấy trong kiến trúc chùa kiểu Huế, điện Phật và giảng đường vẫn được nối kết theo kiểu "trùng thiềm điệp ốc...". Tóm lại, "di tích hiện là một cái đối có giá giảm kiến trúc truyền thống"⁸. Những gì còn đọng lại của lớp thời gian xưa hiện chỉ là những ngôi tháp cổ phía sau chùa.

Đến nay, chùa Đại Giác đã truyền thừa tới trên mười đời, trong số đó có ba vị sư tổ được người đời truyền tụng, đó là: vị tổ đời thứ hai: Thiền sư Thành Đăng - Minh Lượng - Nguyệt Ấn (1686 - 1769) đệ tử của hòa thượng Nguyên Thiều ở chùa Thập Tháp (Bình Định) và Quốc Ấn (Thừa Thiên). Ngài Hoàng Dương đạo pháp ở chùa Đại Giác một thời gian, sau vân du ra miền Trung lập chùa Bảo Phong ở Khánh Hòa và lập chùa Vạn Đức ở xứ Cây Cau (Hội An). Trụ trì chùa Đại Giác đời thứ ba là Thiền sư Linh Nhạc (1725 - 1821) hiệu Phật Ý, gốc người Minh Hương sau xuống Gia Định lập chùa Từ Ân. Đặc biệt vị trụ trì thứ tư là ngài tổ, ân tứ Mật Hoàng (1735 - 1835), được triều Nguyễn phong tặng Tăng Cang, rồi đưa ra trụ trì ở nhiều chùa danh tiếng tại Huế. Mật Hoàng có nhiều đệ tử nổi tiếng ở Thừa Thiên, Bình Định, Biên Hòa, Gia Định, Định Tường... ông là một danh tăng trong Phật giáo Việt Nam ở xứ Đàng Trong.

2. Chùa Long Thiền

Chùa Long Thiền, nằm bên hữu ngạn sông Đồng Nai, trước kia thuộc thôn Bình Long, huyện Phước Long, dinh Trấn Biên, hiện nay là ấp Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa. Theo tài liệu lưu lại của Giáo hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai thì chùa Long Thiền được xây dựng vào năm 1664, do tổ sư Thành Nhạc - Ấn Sơn (? - 1776), người miền Trung vào khai sáng. Hiện chưa rõ về quê quán và hành trạng của hòa thượng Ấn Sơn, chỉ biết hòa thượng là đệ tử của tổ sư Nguyên Thiều, một trong những cao tăng theo đoàn di dân di cư vào Nam, mưu tìm cuộc sống ở vùng đất mới. Đến hữu ngạn sông Đồng Nai, thiền sư nhận thấy cảnh trí tịch mịch, nên dựng một ngôi chùa để ẩn tu, đặt tên là Long Thiền tự. Tương truyền ban đầu chùa chỉ là một thảo am nhỏ, mái lá, vách ván, nền

đất. Theo quan niệm của nhân gian thì chùa Long Thiền tọa lạc trên vùng đất long mạch quý. Trước chùa có sông Đồng Nai, sau lưng có núi Châu Thới. Trải qua bao thời gian, ngôi chùa được tu bổ kang trang như hiện nay. Lần thứ nhất vào năm 1748, đời tổ Phật Chiêu dòng Lâm Tế thứ 35, với chánh điện và nhà tổ được dựng lại, kết cấu theo kiểu nhà ba gian hai chái, mái ngói, cột và kèo bằng gỗ, vách ván. Gần một thế kỷ sau, vào năm 1842, tổ Tiên Đức dòng Lâm Tế thứ 37 trùng tu lần thứ hai với tổ đường được tu bổ lại, cất thêm khách đường và nhà trù, kết cấu tường gạch tàu, mái vẫn lợp ngói âm dương. Từ đó diện mạo chùa kang trang, nghiêm kính được đông đảo phật tử gần xa đến chiêm bái. Năm 1952 (Nhâm Thìn), chùa bị ảnh hưởng nặng nề bởi trận lụt lớn. Năm ấy, hơn một tuần lễ, thành phố Biên Hòa chìm trong nước, chùa Long Thiền chỉ còn nhô cái nóc trên mặt nước, khiến chùa có nguy cơ sụp đổ. Sau đó hòa thượng Thích Huệ Thành dòng Lâm Tế thứ 40 chủ trì trùng tu. Lần trùng tu này đã đem lại cho ngôi chùa diện mạo mới. Giảng đường, khách đường, tăng đường được xây mở rộng ra hai bên.

Với một lịch sử tồn tại khá lâu, chùa Long Thiền được xem như một đầu mối của trung tâm truyền bá Phật giáo vào vùng đất Nam Bộ, nơi đây còn minh chứng cho sự hiện diện của người Việt trên đất Đồng Nai từ giữa thế kỷ XVII.

3. Chùa Bửu Phong

Sách "Đại Nam Nhất Thống Chí", phần tỉnh Biên Hòa viết: "Núi Bửu Phong ở phía Nam huyện Phước Chánh mười ba dặm, phía Tây dòm sông lớn (sông Đồng Nai), làm hộ vệ cho núi Long Ấn. Trên núi có chùa Bửu Phong, khói mây man mác, cây cối um tùm, là thắng cảnh thứ nhứt trong tỉnh hạt (Biên Hòa). Khi xưa có tăng sĩ, hiệu là Bửu Phong, lập chùa trên núi, nên gọi là núi Bửu Phong."⁹

Sách "Gia Định thành thông chí" của Trịnh Hoài Đức lại viết: "núi Bửu Phong phía Tây Nam ngó xuống Đại Giang hộ vệ phía sau núi Long Ấn, suối bầu tắm nhuần, dẫn tưới ruộng nương. Trên núi có chùa Bửu Phong, phía dưới tả có đá long đầu đứng sừng, phía hữu có đá thiền sàng la liệt, khói mây man mác, cây cối sum suê. Văn nhân nghiêng bầu vịnh giai tiết, mỹ nữ nối gót đến hành hương, thật là đệ nhất

thắng cảnh cửa trấn thành vậy"¹⁰.

Chùa Bửu Phong trên núi Bửu Long xưa thuộc thôn Bình Điền, tổng Tân Chánh, huyện Phước Long, dinh Trấn Biên nay là phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Cho đến nay, vẫn chưa tìm thấy tài liệu nào ghi chính xác năm khai sơn chùa. Ngôi cổ tự hiện đã trải qua nhiều lần trùng tu. Theo Lương Văn Lựu trong "*Biên Hòa sử lược toàn biên*" thì "Năm 1679, một nhóm dân binh Trung Quốc thuộc hạ Tổng lãnh binh Trần Thượng Xuyên nhà Minh chống Thanh triều đến chùa bị nạn đã xây cất lại bằng gạch ngói và thỉnh đại sư Hoàng Long đường thượng hiệu Thành Chí đến trụ trì và tôn làm tổ khai sơn". Đây là lần trùng tu thứ nhất. Lần trùng tu thứ hai là vào năm 1829, do tham tướng Nguyễn Văn Hiệp và hương bảo Nguyễn Văn Tâm phụng cúng (chi tiết này được khắc trên cột đá nơi tiền điện). Năm 1896, hòa thượng Pháp Truyền, tự là Chơn Ý, tiếp tục sửa lại nhà tổ, giảng đường, trang trí lại nội thất, sơn thếp lại hoành phi, liễn đối. Năm 1944, hòa thượng Huệ Quang cho lợp lại ngói chánh điện, nối rộng thêm hậu đường. Những năm sau này, ni sư Huệ Hương xây cất lại nhà cầu, chỉnh trang lại nội thất, sơn thếp các bức hoành phi, liễn đối.

Chùa Bửu Phong kết cấu theo lối chữ tam gồm chánh điện, giảng đường và nhà hậu tổ. Ngoài ra còn có phòng ni phái và nhà dưỡng tăng. Chất liệu xây dựng bằng gạch thẻ, vữa hợp chất, mái lợp ngói âm dương, nền lót gạch tàu, hệ thống cột, vì kèo bằng gỗ. Mặt tiền kiến thiết theo kiểu mặt dựng, trang trí bằng các bức phù điêu ghép sành khá công phu, mang tính nghệ thuật khá cao với các đề tài: lân công cuốn thư, nhật nguyệt, rồng châu mặt trời, dây lá cách điệu. Chánh điện thoáng rộng, trang nghiêm với những cột gỗ cao treo câu đối, các bức hoành phi, bao lam bằng gỗ được chạm khắc công phu, thể hiện các điển tích cổ. Đặc biệt chùa còn lưu giữ một pho tượng Phật Di Đà bằng gỗ và một "bảo cái" lục giác chạm rồng, truyền lại có từ thời thành lập chùa.

Kể từ khi tạo lập đến nay, chùa Bửu Phong đã trải qua 13 đời tổ trụ trì. Trong các đời tổ truyền thừa thì Đại lão Hòa thượng Pháp Truyền, tự Chơn Ý (1893 - 1922) thuộc tổ thứ tám đã có công lớn trong việc trùng hưng chùa Bửu Phong. Ngài là bậc chân tu Phật học, tài

đức song toàn cảm hóa được nhiều người quy y học đạo. Với uy danh và đức độ của tổ Chơn Ý, triều đình Huế nhiều lần thỉnh giáo Hòa thượng thuyết pháp trong Hoàng cung và các nơi khác.

Như vậy Phật giáo được truyền vào Đồng Nai bằng hai hướng. Hướng thứ nhất theo các đoàn di dân từ Thuận Quảng vào và hướng thứ hai từ Trung Quốc, như các nhà sư thuộc nhóm Trần Thượng Xuyên (đến vào năm 1679). Việc hoàng dương đạo pháp này tiếp tục phát triển ở Đồng Nai vào các thế kỷ sau và đã có một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của lớp cư dân đến đây khai khẩn. Sự phát triển của Phật giáo là một tiền đề dẫn đến sự hình thành các cơ sở tôn giáo là chùa chiền. Trong hệ thống chùa ở Đồng Nai, chùa Đại Giác, Long Thiền, Bửu Phong là những ngôi cổ tự, được xem là một trung tâm truyền bá Phật giáo vào vùng đất Nam Bộ. Không những thế, chúng còn minh chứng cho sự hiện diện của lưu dân Việt vào Đồng Nai từ thế kỷ XVI - XVII, tạo cơ sở cho Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh thiết lập nền hành chánh Đồng Nai thuộc lãnh thổ Đại Việt được hoàn thiện.

N.D.H.P

Tài liệu tham khảo:

- 1 - Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, tập II, quyển 4,5,6, bản dịch Lê Xuân.
- 2 - Phan Khoang: *Việt sử xứ Đàng Trong (1558 - 1777)*, Nhà sách Khai Trí, tr.393 - 400.
- 3 - Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Nhà Văn hóa xuất bản, S., 1972, tập trung, tr.34.
- 4 - Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, sách đã dẫn, tr.12.
- 5 - *Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Nam Việt*, bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Nhà Văn hóa, S., 1973, tập thượng, tr.47.
- 6 - *Bulletin des Amis du Vieux Huế*, 1915.
- 7 - Nguyễn Hiền Đức: *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tập III, tr. 255 - 264.
- 8 - Huỳnh Ngọc Trảng và những người khác: *Cù lao Phố lịch sử và văn hóa*, Nxb. Đồng Nai, tr. 352.
- 9 - *Đại Nam nhất thống chí*, sách đã dẫn.
- 10 - Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, sách đã dẫn.